

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2011

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Số 10A Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3 3824 685 Fax: (84 - 4) 3 3829 054

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là 'Công ty') là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 ngày 27/12/2011 thì Vốn điều lệ của Công ty là: **62.826.020.000 VND** (Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc);
- Dạy nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh vaccin, sinh phẩm y tế;
- Kinh doanh siêu thị, dịch vụ nhà ở, văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán hóa chất và hóa chất xét nghiệm (Trừ loại hóa chất nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý bán thuốc của doanh nghiệp.

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội
Tel: (84 - 4) 3 3824 685 Fax: (84 - 4) 3 3829 054

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: DHT

Các chi nhánh và cửa hàng của Công ty

STT	Tên	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Số 17, lô 5 tổ 41, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
2.	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An	Số 18 Trần Nhật Duật, Đội Cung, TP Vinh, Nghệ An
3.	Chi nhánh Dược phẩm Hà Đông	Số 10 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
4.	Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì	Thị trấn Tây Tăng, Ba Vì, Hà Nội
5.	Chi nhánh Dược phẩm Phúc Thọ	Xã Vọng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Hà Nội
6.	Chi nhánh Dược phẩm Hoài Đức	Thị trấn Trôi, Hoài Đức, Hà Nội
7.	Chi nhánh Dược phẩm Đan Phượng	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội
8.	Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín	Số 251 Phố Ga, Thường Tín, Hà Nội
9.	Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên	Tiểu khu Mỹ Lâm, Phú Xuyên, Hà Nội
10.	Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hòa	Thị trấn Văn Đình, Ứng Hòa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

11. Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây	Số 03 Nguyễn Thái Học, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội
12. Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất	Xã Kim Quang, Thạch Thất, Hà Nội
13. Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội
14. Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội
15. Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội
16. Chi nhánh Dược phẩm Chương Mỹ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội
17. Chi nhánh Đông dược, vật tư y tế	78 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
18. Các phân xưởng sản xuất	Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch
Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó chủ tịch
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lai	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Văn Lớ	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2011)
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2011)
Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2011)
Ông Lê Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2011)
Ông Hoàng Văn Tuế	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/08/2011)
Ông Ngô Văn Chinh	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/08/2011)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Lê Văn Lớ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2012

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính năm 2011
của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 22 tháng 01 năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 26 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây cho năm tài chính 2011:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		253.254.472.136	217.904.186.459
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22.973.454.762	20.126.639.002
1 Tiền	111	V.1.	22.973.454.762	20.126.639.002
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.811.348.506	69.212.919.532
1 Phải thu của khách hàng	131		62.153.724.765	63.664.503.133
2 Trả trước cho người bán	132		13.107.205.810	5.457.421.220
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	2.099.422.752	1.000.000.000
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(549.004.821)	(909.004.821)
IV Hàng tồn kho	140		144.329.229.305	126.772.909.051
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	144.329.229.305	126.772.909.051
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		9.140.439.563	1.791.718.874
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	522.060.387
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.394.339.563	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	-	889.458.487
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		6.746.100.000	380.200.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		50.838.413.041	47.960.220.671
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		48.748.664.291	45.960.220.671
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	42.016.037.023	39.227.593.403
- Nguyên giá	222		151.904.988.890	137.843.836.426
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.888.951.867)	(98.616.243.023)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	6.732.627.268	6.732.627.268
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9.	2.000.000.000	2.000.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		2.000.000.000	2.000.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		89.748.750	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	89.748.750	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		304.092.885.177	265.864.407.130

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		184.619.361.620	164.654.070.649
I Nợ ngắn hạn	310		182.706.591.620	160.094.070.649
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	145.693.610.639	117.574.468.496
2 Phải trả người bán	312		19.994.118.023	31.156.271.944
3 Người mua trả tiền trước	313		8.700.689.934	5.112.036.250
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	2.054.546.772	1.965.671.286
5 Phải trả người lao động	315		3.796.814.944	2.633.172.779
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	377.442.740	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	2.023.001.683	1.546.328.237
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		66.366.885	106.121.657
II Nợ dài hạn	330		1.912.770.000	4.560.000.000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	1.612.770.000	4.260.000.000
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		300.000.000	300.000.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400		119.473.523.557	101.210.336.481
I Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	119.473.523.557	101.210.336.481
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		62.826.020.000	41.226.020.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		29.335.312.000	26.849.000.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		18.885.848.301	13.367.300.656
4 Cổ phiếu quỹ	414		(15.130.000)	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.573.341)	137.940.687
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		89.249.865	89.249.865
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		4.122.602.000	4.122.602.000
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.231.194.732	15.418.223.273
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		304.092.885.177	265.864.407.130

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuế

Lê Văn Lớ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17.	630.414.655.671	543.415.350.125
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.18.	328.835.539	240.217.618
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.19.	630.085.820.132	543.175.132.507
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.20.	540.419.464.845	467.142.874.199
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		89.666.355.287	76.032.258.308
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	8.786.791.108	4.063.679.448
7 Chi phí tài chính	22	VI.22.	24.195.994.671	16.157.857.679
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.862.388.575	15.487.392.518
8 Chi phí bán hàng	24		30.280.633.053	27.073.564.276
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.584.452.293	17.635.236.710
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		22.392.066.378	19.229.279.091
11 Thu nhập khác	31		500.000	56.000.000
12 Chi phí khác	32		-	50.000.000
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		500.000	6.000.000
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.392.566.378	19.235.279.091
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.23.	5.612.415.646	3.817.055.818
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16.780.150.732	15.418.223.273
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	3.743	3.740

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Tuất

Lê Văn Lớ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	631.769.939.598	511.622.930.208
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(558.413.481.413)	(449.447.832.957)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(46.479.272.549)	(40.267.199.012)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(23.862.388.575)	(15.195.786.617)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(5.445.555.818)	(3.047.045.696)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	536.355.004	8.316.739.832
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(18.656.810.108)	(9.152.128.684)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.551.213.861)	2.829.677.074
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.151.756.289)	(10.537.805.808)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	500.000	219.800.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(450.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	50.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.786.791.108	3.686.666.608
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.364.465.181)	(7.031.339.200)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15.841.112.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	407.224.412.270	282.592.599.653
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(381.752.500.127)	(280.081.802.665)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.548.956.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	28.764.068.143	2.510.796.988
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	2.848.389.101	(1.690.865.138)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.126.639.002	21.832.778.748
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.573.341)	(15.274.608)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	22.973.454.762	20.126.639.002

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuế

Lê Văn Lớ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là 'Công ty') là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 ngày 27/12/2010 thì Vốn điều lệ của Công ty là: **62.826.020.000 VND** (Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

Các chi nhánh và cửa hàng của Công ty

STT	Tên	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Số 17, lô 5 tổ 41, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
2.	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An	Số 18 Trần Nhật Duật, Đội Cung, TP Vinh, Nghệ An
3.	Chi nhánh Dược phẩm Hà Đông	Số 10 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
4.	Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì	Thị trấn Tây Tăng, Ba Vì, Hà Nội
5.	Chi nhánh Dược phẩm Phúc Thọ	Xã Vọng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Hà Nội
6.	Chi nhánh Dược phẩm Hoài Đức	Thị trấn Trôi, Hoài Đức, Hà Nội
7.	Chi nhánh Dược phẩm Đan Phượng	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội
8.	Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín	Số 251 Phố Ga, Thường Tín, Hà Nội
9.	Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên	Tiểu khu Mỹ Lâm, Phú Xuyên, Hà Nội
10.	Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hoà	Thị trấn Vân Đình, ứng Hoà, Hà Nội
11.	Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây	Số 03 Nguyễn Thái Học, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội
12.	Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất	Xã Kim Quang, Thạch Thất, Hà Nội
13.	Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội
14.	Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội
15.	Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội
16.	Chi nhánh Dược phẩm Chương Mỹ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội
17.	Chi nhánh đông dược, vật tư y tế	78 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
18.	Các phân xưởng sản xuất	Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc);
- Dạy nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế;
- Kinh doanh siêu thị, dịch vụ nhà ở, văn phòng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán hóa chất và hóa chất xét nghiệm (Trừ loại hóa chất nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý bán thuốc của doanh nghiệp.

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3 3824 685 Fax: (84 - 4) 3 3829 054

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần bị lỗ chênh lệch tỷ giá trong 05 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 và tin tưởng việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu áp dụng chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, lợi nhuận của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2011 sẽ giảm 1.573.341 VND và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2011 sẽ có số dư có với một khoản tiền tương ứng.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán VIETSUN.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá thành sản phẩm được xác định theo giá thành định mức. Công ty không thực hiện việc đánh giá sản phẩm làm dở cuối kỳ, vật tư, nguyên vật liệu xuất dùng cho sản xuất còn tồn cuối kỳ được kết chuyển lại về Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho không thấp hơn giá thị trường và sản phẩm đầu ra không giảm giá nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Nhà cửa vật kiến trúc

6

Máy móc, thiết bị

3 - 7

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

6

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3 - 6

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây. Khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư. Vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây là quyền sử dụng 5.000 m² đất tại Điểm Công nghiệp Phú Lãm trên địa bàn xã Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng. Riêng các khoản vay huy động vốn từ cán bộ công nhân viên trong Công ty được ghi nhận theo phiếu thu, hợp đồng vay và lãi suất đi vay năm 2011 là 1,3% - 2%/tháng, có thể biến động theo lãi suất ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là các công cụ dụng cụ thuộc loại tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm và các chi phí liên quan sửa chữa nhà.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá được phẩm và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tập hợp các chi phí liên quan tới xưởng Đông Dược được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 5% đối với hàng thuốc chữa bệnh, 10% đối với mặt hàng dược phẩm chức năng và các mặt hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	5.620.733.220	4.279.796.784
Tiền gửi ngân hàng (VND)	17.143.407.223	15.503.089.918
Ngân hàng Công thương Hà Tây	9.698.764.310	7.241.633.296
Ngân hàng Ngoại thương Hà Tây	1.272.229.137	1.270.068.598
Ngân hàng Công thương Đồng Đa	2.708.585	2.566.762
Ngân hàng Nông nghiệp Hà Tây	2.114.529.355	2.536.579.889
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	3.697.257.207	3.641.053.297
Ngân hàng HSBC	308.037.667	802.550.215
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	43.458.600	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An	1.000.000	1.000.000
Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương CN Nghệ An	2.983.791	4.500.146
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam CN Thành Công	2.438.571	3.137.715
Tiền gửi ngân hàng (USD)	209.314.319	343.752.300
Ngân hàng Công thương Hà Tây	145.629.168	172.180.103
Ngân hàng Đầu tư phát triển Hà Tây	152.044	137.257
Ngân hàng Ngoại thương Hà Tây	63.533.107	171.434.940
Tổng cộng	22.973.454.762	20.126.639.002

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	2.099.422.752	1.000.000.000
<i>Cửa hàng Nam Bắc</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>
<i>Quầy trung tâm Quang Trung</i>	<i>400.000.000</i>	<i>400.000.000</i>
<i>Công ty CP Bao bì & In nông nghiệp</i>	<i>8.980.140</i>	-
<i>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu</i>	<i>1.190.442.612</i>	-
<i>Chi nhánh Dược Hà Đông</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
 <i>Chi nhánh Dược phẩm Hoài Đức</i>	 -	 <i>100.000.000</i>
Tổng cộng	2.099.422.752	1.000.000.000
3. Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	60.555.674.335	74.464.925.264
Công cụ, dụng cụ	434.334.900	128.657.850
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.678.348.974
Hàng hoá	83.339.220.070	49.500.976.963
Cộng giá gốc hàng tồn kho	144.329.229.305	126.772.909.051
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	-	889.458.487
Tổng cộng	-	889.458.487

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2011	52.407.703.463	75.846.929.941	3.973.597.838	5.615.605.184	137.843.836.426
Mua trong năm	6.381.745.453	4.286.733.582	3.525.254.545	913.427.272	15.107.160.852
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(74.670.328)	(971.338.060)	-	-	(1.046.008.388)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	58.714.778.588	79.162.325.463	7.498.852.383	6.529.032.456	151.904.988.890
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2011	28.538.236.066	63.358.980.390	3.079.251.990	3.639.774.577	98.616.243.023
Khấu hao trong năm	6.679.792.982	4.408.152.947	437.379.101	793.392.202	12.318.717.232
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(74.670.328)	(971.338.060)	-	-	(1.046.008.388)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	35.143.358.720	66.795.795.277	3.516.631.091	4.433.166.779	109.888.951.867
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2011	23.869.467.397	12.487.949.551	894.345.848	1.975.830.607	39.227.593.403
Tại ngày 31/12/2011	23.571.419.868	12.366.530.186	3.982.221.292	2.095.865.677	42.016.037.023

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 72.555.382.147 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Xây dựng cơ bản dở dang			
Chi phí xây dựng xưởng Đông Dược		6.000.000.000	6.000.000.000
Chi phí thiết kế xưởng Đông Dược		249.337.273	249.337.273
Chi phí thẩm tra thiết kế xưởng Đông Dược		28.744.545	28.744.545
Chi phí điện lạnh cho xưởng Đông Dược		454.545.450	454.545.450
Tổng cộng		6.732.627.268	6.732.627.268
9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	<i>Tỷ lệ Vốn góp/ ĐKKD</i>		
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	6,41%	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng		2.000.000.000	2.000.000.000
10. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí sửa chữa nhà		89.748.750	-
Cộng		89.748.750	-
11. Vay và nợ ngắn hạn		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng		130.014.674.102	106.557.796.814
Ngân hàng Công thương - CN Hà Tây (1)		45.064.573.870	43.303.316.371
VND		45.064.573.870	43.303.316.371
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (2)		11.692.724.860	15.112.180.614
VND		11.692.724.860	15.112.180.614
Ngân hàng Vietcombank - CN Hà Tây (3)		59.568.451.903	37.193.860.207
VND		59.568.451.903	37.193.860.207
Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải (HSBC)(4)		13.688.923.469	10.948.439.622
VND		13.688.923.469	9.817.208.700
USD		-	1.131.230.922
Vay các cá nhân		13.886.936.537	11.016.671.682

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	1.792.000.000	-
Vay ngân hàng Ngoại thương Hà Tây	1.792.000.000	-

Cộng	145.693.610.639	117.574.468.496
-------------	------------------------	------------------------

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2011/HĐTD/Viettinbank-Hataphar ngày 04/01/2011 và hợp đồng số 02/2011/HĐTD/Viettinbank-Hataphar ngày 01/09/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 177578/2011/HĐTDHM ngày 20/06/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 62/11/HM-DHT/VCBHT ngày 08/06/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ, tài sản thế chấp 65.433.875.954 VND theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 28/11/NVL/VCBHT ngày 23/03/2011.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải theo Gia hạn thư đề nghị cung cấp tiện ích chung tài khoản số 002 - 102465 ngày 09/06/2011, lãi suất cho vay là lãi suất cho vay cơ bản cộng 2%/ năm và thời hạn tùy theo quy định ngân hàng.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	48.726.695	48.726.695
Thuế xuất nhập khẩu	116.415.828	199.888.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.883.915.646	1.717.055.818
Các loại thuế khác	5.488.603	-
Cộng	2.054.546.772	1.965.671.286

13. Chi phí phải trả	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	38.785.283	-
Lãi vay phải trả ngân hàng Vietcombank	151.569.738	-
Lãi vay phải trả ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải (HSBC)	69.965.609	-
Lãi vay phải trả trái phiếu và vay cá nhân	117.122.110	-
Cộng	377.442.740	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	235.888.305	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Tiền nhà CBCNV	816.496.963	483.846.963
Đền bù giải phóng mặt bằng	325.792.000	325.792.000
Phí chuyển nhượng	338.615.100	384.447.100
Các khoản khác	306.209.315	352.242.174
Cộng	2.023.001.683	1.546.328.237
15. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	1.612.770.000	4.260.000.000
- Vay ngân hàng Ngoại thương Hà Tây	834.570.000	3.800.000.000
- Vay cán bộ công nhân viên	778.200.000	460.000.000
Cộng	1.612.770.000	4.260.000.000

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng số 04/09/TDH-DHT/VCBHT ngày 21 tháng 7 năm 2009, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo thông báo từng thời kỳ của Ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư tại ngày 01/01/2010	41.226.020.000	26.849.000.000	8.821.579.869	-	6.128.263.512	83.024.863.381
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	15.418.223.273	15.418.223.273
- Tăng khác	-	-	4.545.720.787	-	-	4.545.720.787
- Phân phối quỹ và vốn khác	-	-	-	-	(5.551.863.512)	(5.551.863.512)
- Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(576.400.000)	(576.400.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2010	41.226.020.000	26.849.000.000	13.367.300.656	-	15.418.223.273	96.860.543.929
- Tăng vốn trong năm nay	21.600.000.000	2.486.312.000	5.518.547.645	-	-	29.604.859.645
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	16.780.150.732	16.780.150.732
- Tăng khác	-	-	-	(15.130.000)	-	(15.130.000)
- Phân phối quỹ và vốn khác	-	-	-	-	(14.843.023.273)	(14.843.023.273)
- Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.548.956.000)	(12.548.956.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(75.200.000)	(75.200.000)
Số dư tại ngày 31/12/2011	62.826.020.000	29.335.312.000	18.885.848.301	(15.130.000)	4.231.194.732	115.263.245.033

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lê Văn Lớ (Đại diện phần vốn Nhà nước)	2.114.860.000	1.387.760.000
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Tây	3.352.670.000	2.200.000.000
Lê Văn Lớ	4.436.180.000	1.523.500.000
Ngô Văn Chinh	1.233.780.000	809.600.000
Nguyễn Văn Minh	1.133.200.000	743.600.000
Các cổ đông khác	50.555.330.000	34.561.560.000
Cộng	62.826.020.000	41.226.020.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.513 cổ phiếu

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	62.826.020.000	41.226.020.000
Vốn góp đầu năm	41.226.020.000	41.226.020.000
Vốn góp tăng trong năm	21.600.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	62.826.020.000	41.226.020.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.548.956.000	6.128.263.512

d) Cổ phiếu	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.282.602	4.122.602
- Cổ phiếu phổ thông	6.282.602	4.122.602
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.513	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.513	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.281.089	4.122.602
- Cổ phiếu phổ thông	6.281.089	4.122.602
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	89.249.865	-	-	89.249.865

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Quỹ dự phòng tài chính	4.122.602.000	-	-	4.122.602.000
Tổng cộng	4.211.851.865	-	-	4.211.851.865
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011		Năm 2010	
	VND		VND	
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	630.414.655.671		543.415.350.125	
Cộng	630.414.655.671		543.415.350.125	
18. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2011		Năm 2010	
	VND		VND	
Giảm giá hàng bán	328.835.539		240.217.618	
Cộng	328.835.539		240.217.618	
19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011		Năm 2010	
	VND		VND	
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	630.085.820.132		543.175.132.507	
Cộng	630.085.820.132		543.175.132.507	
20. Giá vốn hàng bán	Năm 2011		Năm 2010	
	VND		VND	
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	540.419.464.845		467.142.874.199	
Cộng	540.419.464.845		467.142.874.199	
21. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011		Năm 2010	
	VND		VND	
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.554.354.793		3.523.233.727	
Cổ tức nhận được từ CTCP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	300.000.000		200.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	501.080.717		340.445.721	
Thu lãi chậm trả của khách hàng	6.431.355.598		-	
Cộng	8.786.791.108		4.063.679.448	
22. Chi phí tài chính	Năm 2011		Năm 2010	
	VND		VND	
Lãi tiền vay	23.862.388.575		15.487.392.518	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	232.814.121	670.465.161
Chi phí tài chính khác	100.791.975	-
Cộng	24.195.994.671	16.157.857.679
23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	638.873.111.240	547.294.811.955
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	616.038.448.657	528.009.532.864
Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	385.000.000	200.000.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	22.449.662.583	19.085.279.091
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.612.415.646	3.817.055.818
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.612.415.646	3.817.055.818
24. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.585.838.082	209.887.661.845
Chi phí nhân công	51.453.720.046	44.280.590.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.318.717.232	10.767.977.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.816.898.560	-
Chi phí khác bằng tiền	24.277.230.638	26.622.871.876
Cộng	348.452.404.558	291.559.101.235
25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.780.150.732	15.418.223.273
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.780.150.732	15.418.223.273
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.483.335	4.122.602
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.743	3.740

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

26. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
---	-----------------	-----------------

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010	8.245.200.000	-
--	---------------	---

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 <i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu			
Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	Đầu tư dài hạn khác	13.049.588.490	17.642.287.225
Mua hàng			
Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	Đầu tư dài hạn khác	-	22.481.575.438

1.2 <i>Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm</i>	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lương thưởng Ban Tổng giám đốc	2.549.757.746	2.033.318.100
Tổng cộng	2.549.757.746	2.033.318.100

1.3 <i>Số dư với các bên liên quan</i>	Quan hệ với Công ty	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu			
Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	Đầu tư dài hạn khác	4.851.271.680	767.145.635
Các khoản vay			
Lê Văn Lớ	Tổng giám đốc	125.276.390	525.000.000
Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng giám đốc	324.543.200	-

2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 do Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây lập đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam.

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuế

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Tổng Giám đốc

Lê Văn Lớ